

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 01- 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 534/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hằng N, sinh năm 2004; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê T, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Hằng N trình bày: Chị N với anh T chung sống với nhau năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được cháu Lê Quyền Tr, sinh ngày 19/9/2023. Tuy nhiên đến đầu năm 2024 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh T không quan tâm phát triển kinh tế, dù được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thể sống hạnh phúc được mà ly thân hơn 06 tháng nay. Hiện tại chị không còn thương yêu anh T nên xin được ly hôn; chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê T, nhưng anh T không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị N, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị N khai sau thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau và đã sống ly thân hơn 06 tháng nay, tự tạo cuộc sống riêng, không còn trách nhiệm với nhau. Anh T không có ý kiến phản đối, anh cũng không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị N, thể hiện qua việc nhiều lần Tòa án triệu tập hòa giải và xét xử, anh đều không tham gia. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị và anh T ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi con, anh T không phản đối. Xét thấy cháu Tr vẫn còn nhỏ, là con gái, cần có sự chăm sóc của mẹ, trong khi từ sau khi ly thân cho đến nay chị N nuôi con vẫn đảm bảo phát triển toàn diện về mọi mặt. Do vậy cần tiếp tục giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét buộc anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có, anh T không phản đối nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu được chấp nhận nên chị N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hằng N. Cho chị Nguyễn Hằng N được ly hôn với anh Lê T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quyền Trân, sinh ngày 19/9/2023 cho chị Nguyễn Hằng N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê T được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Hằng N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0002174 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Chí Khanh

